TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02/5/ 2019
"V/v:''Ly hôn, tranh chấp về nuôi con''

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Trịnh Thị Hà
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Huyền
  Bà Nguyễn Thị Thu

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá.

Ngày 02 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2019/TLST – HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2019 về *''Ly hôn, tranh chấp về nuôi con''* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXX-ST ngày 29/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST ngày 12/4/2019 giữa các đương sự :

1.Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987 (vắng mặt)

2.Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn 4, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/12/2018, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 06/8/2013 tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T nghiện ma túy, thường xuyên bỏ nhà đi chơi, không chịu làm ăn mà còn bán hết tài sản trong nhà để lấy tiền sử dụng ma túy, nợ nần làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, chị và gia đình đã khuyên bảo anh T nhiều lần mà anh T không nghe mà còn đánh đập chị từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, không còn tôn trọng nhau, cải nhau đánh nhau nhiều lần cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đến tháng 6 năm 2016 chị và anh T đã sống ly thân nhau cho đến nay không quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Tại bản tự khai ngày 15/02/2019 và biên bản hòa giải bị đơn anh Hoàng Văn T trình bày thống nhất với chị H về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, anh cũng thừa nhận vợ chồng sống ly thân từ tháng 6 năm 2016 đến nay. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý mà anh xin chị H để anh sửa chữa sai lầm để vợ chồng đoàn tụ, nếu chị H cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn chị H.

Về con chung: Chị H và anh T thống nhất trình bày anh, chị có 01 con chung là Hoàng Bảo A, sinh ngày 28/02/2014.

Tại bản tự khai ngày 15/02/2019 chị H có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hoàng Bảo A và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T cũng có nguyện vọng giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu A, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị H đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương giải quyết việc hôn nhân của chị và anh Hoàng Văn T, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H có đơn xin đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đến Tòa án nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, 288 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, ngày 06/8/2013 được UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vì vậy hôn nhân giữa chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn chị H và anh T đã có cuộc sống chung hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, từ tháng 6 năm 2016 cho đến nay đã gần 03 năm anh chị sống ly thân nhau, trong thời gian sống ly thân anh chị không quan tâm qua lại với nhau nữa, nhưng anh cũng không đưa ra giải pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng để vợ chồng về đoàn tụ. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, thực tế tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là Hoàng Bảo A. Chị H có nguyện vọng xin được nuôi con. Anh T có nguyện vọng giao cháu A cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy chị H có nguyện vọng xin được nuôi con và anh T cũng có nguyện vọng giao con cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Để đảm bảo cho cháu được nuôi dưỡng tốt, để cháu phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần, cháu A còn nhỏ nên cần giao cháu A cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị H và anh T đều không yêu cầu giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử:

- Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Hoàng Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Hoàng Bảo A, sinh ngày 28/02/2014 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2013/0001437 ngày 28/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Chị H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Quảng Xương;
- UBND xã Q
- Chi cục Thi hành án Quảng Xương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trịnh Thị Hà